TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

PHẬT GIÁO NHẬP THẾ VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG

Tác giả: **Đại đức Thích Hữu Đạt**
Chùa Bửu Sơn, 24 Xóm Vôi, Phường 14, Quận 5, Tp.HCM

A. DẪN NHẬP

Phật giáo được truyền vào Việt Nam vào khoảng những năm đầu Công nguyên và nhanh chóng hòa nhập cùng với văn hóa tín ngưỡng bản địa. Qua từng giai đoạn thăng trầm của lịch sử, Phật giáo như mạch nước ngầm, âm thầm len lỏi và đồng hành cùng dân tộc Việt Nam trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trên cả hai phương diện sinh hoạt vật chất và văn hóa

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

tinh thần.

Ngày nay, thế giới không ngừng phát triển với nhiều thành tựu về hoa học công nghệ đã đẩy mạnh sự phát triển của nền kinh tế, văn hóa, xã hội và hòa vào dòng chảy của sự phát triển đó, Việt Nam cũng đã và đang phát triển mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Nền kinh tế thị trường phát triển, mối quan hệ giao thương với các nền kinh tế hàng đầu trong và ngoài khu vực châu Á đã mở ra nhiều cơ hội phát triển đồng thời cũng tạo ra rất nhiều thách thức và khó khăn cho cho kinh tế xã hội nước nhà.

Trước những biến động khôn lường của kinh tế thế giới tác động đến tình hình kinh tế trong nước, kéo theo các vấn đề về xã hội như tỉ lệ người thất nghiệp, chế độ an sinh, phúc lợi xã hội, ô nhiễm môi trường... Với tinh thần nhập thế, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của đất nước, Phật giáo đã, đang và sẽ có những hoạt động gì để góp phần vào công cuộc phát triển nền kinh tế và giải quyết các vấn đề phát sinh do hệ quả của nền kinh tế thị trường nhằm ổn định đời sống xã hội.

Để biết rõ hơn về những hoạt động cụ thể của Phật giáo nhập thế trong lĩnh vực kinh tế, việc ứng dụng quan điểm, tư tưởng, lời dạy của đức Phật vào hoạt động kinh tế sẽ đem lại hiệu ứng tích cực như thế nào, học viên đã chọn đề tài *"Phật giáo nhập thế với vấn đề kinh tế bền vững"* để thực hiện khảo cứu.

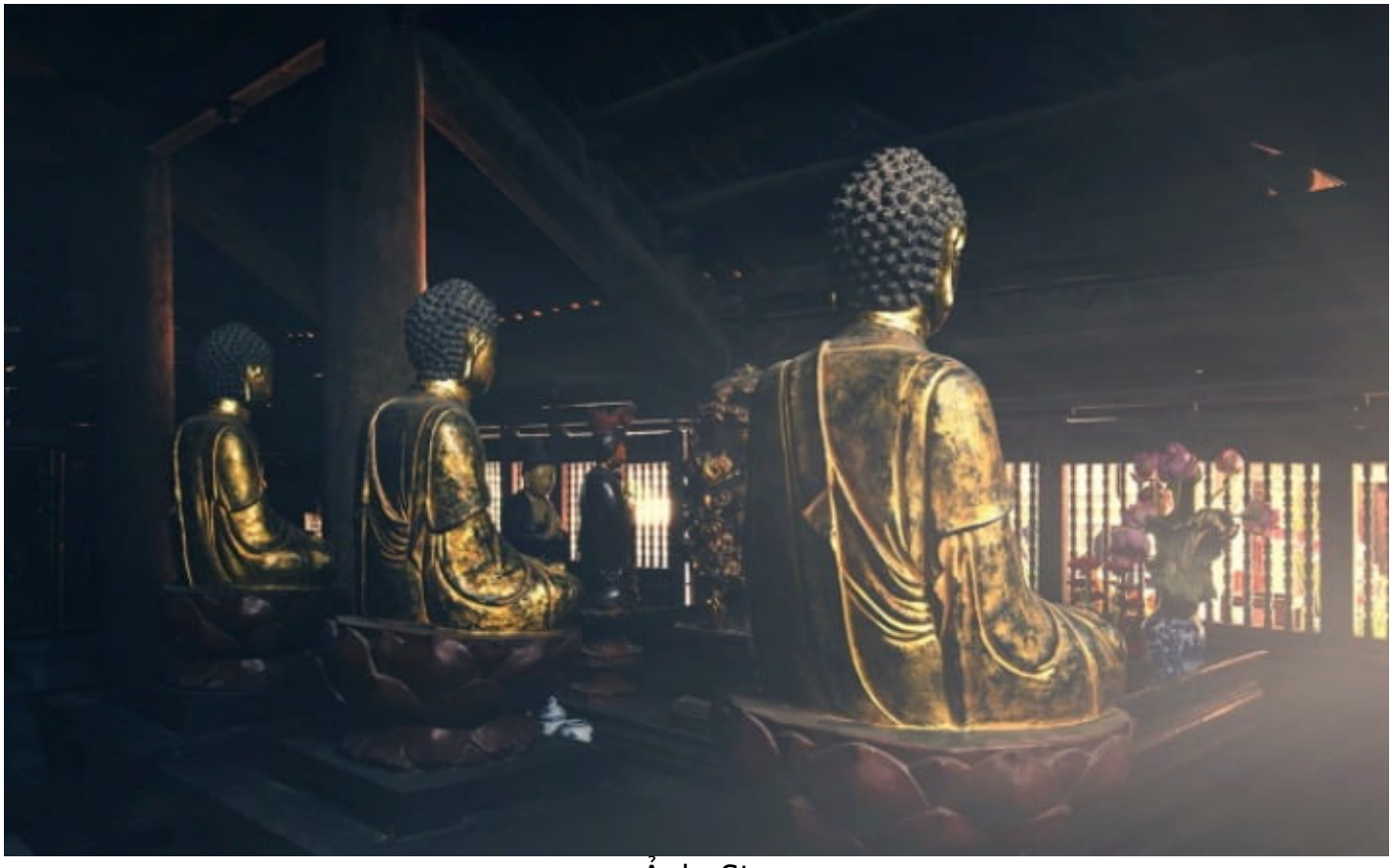

Ảnh: St

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

B. NỘI DUNG

I. Khái niệm Phật giáo nhập thế

1. Tư tưởng Phật giáo nhập thế

Lật lại những trang sử Phật, chúng ta sẽ nhận ra kể từ khi đức Phật thành đạo, trong suốt 45 năm, tuy là bậc *"thiên nhân chi đạo sư"* nhưng Ngài lại chọn lối sống du hành ngày đây mai đó khắp nơi trên xứ Ấn để giáo hóa độ sinh. Đến khi Tăng đoàn được vừa thành lập với 60 vị La Hán đầu tiên Ngài đã khuyến khích: *"Này các Tỳ kheo!... hãy lên đường vì lợi lạc của nhiều người, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn đối với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của trời và người. Các ông hãy đi, nhưng đừng đi hai người cùng một hướng, hãy đi mỗi người một ngả, hãy truyền bá chính pháp... Hãy phất lên ngọn cờ của bậc thiện trí, hãy truyền dạy giáo pháp cao siêu, hãy mang lại sự tốt đẹp cho người khác; được vậy, là các ông đã hoàn tất nhiệm vụ"*.

Qua đó có thể thấy tư tưởng nhập thế của Phật giáo đã có từ thời Phật tại thế. Nhưng mãi đến hậu bán thế kỷ thứ 2 TTL, tư tưởng này mới được thể hiện rõ nét nhất trong Phật giáo Đại thừa. Thông qua hình tượng vị Bồ Tát với lòng từ bi và bình đẳng, những người con Phật kể cả tu sĩ và cư sĩ đều có thể tùy theo nhân duyên, hoàn cảnh, văn hóa mà hành Bồ tát đạo bằng các hoạt động để truyền tư tưởng đạo đức tinh thần từ bi bình đẳng vào trong xã hội nhằm giúp cho đời sống xã hội thêm tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn.

Trong dòng chảy lịch sử của nước ta, tinh thần nhập thế của Phật giáo đã được phát huy mạnh mẽ vào thời Lý Trần, khi các vị quốc sư là những nhà sư Phật giáo như Đỗ Thuận, Vạn Hạnh... là những người tu hành nhưng họ đã tham gia vào chính sự, cùng vua bàn việc triều đình, đối sách giao bang với phương Bắc và sẵn sàng công hiến sức lực, trí lực để phò vua giúp nước chống lại ngoại xâm bảo vệ gian san, nền hòa bình cho dân tộc. Sau khi xong việc họ lại trở về chùa, tịnh thất để tu hành, không màn đến bổng lộc lợi danh do triều đình ban phát.

Cho đến những thập niên đầu thế kỷ 20 trở lại đây, khi cả thế giới bắt đầu bước vào kỷ nguyên của hiện đại hóa, công nghệ hóa, theo đó Phật giáo cũng đứng trước sự hội nhập đồng nghĩa với việc tham gia vào việc ổn định, khắc phục các vấn đề xã hội. các hình thái Phật giáo mới xuất hiện với sự hiện diện và góp mặt của Phật giáo qua các cá nhân, tổ chức Phật giáo trong mọi lĩnh vực xã hội từ kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, xã hội... tạo nên các phong trào Phật giáo nhập thế mang lại hiệu ứng và giá trị tích cực trong xã hội. Bấy giờ khái niệm Phật giáo nhập thế được các học giả trê thế giới tập trung nhiên cứu và định nghĩa. Có thể nói đó là quá trình khái niệm hóa tư tưởng nhập thế, mà từ buổi đầu nó thể hiện trong tinh thần từ bi, bình đẳng và tùy duyên bất biến mà đem giá trị đạo đức phật giáo vào đời để làm lợi lạc cho nhân sinh.

2. Các khái niệm Phật giáo nhập thế

Dựa trên quan điểm của mình, các học giả đã đưa ra nhiêù khái niệm khác nhau về Phật giáo nhập thế (còn goi là Phật giáo dấn thân, Phật giáo đi vào cuộc đời), trong tiếng Anh nó được

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

gọi là Engaged Buddhism. Theo Christopher S. Queen, thuật ngữ này lần đầu tiên xuất hiện trên tựa đề một cuốn sách do thiền sư Nhất Hạnh viết vào năm 1963 , đó là cuốn *"Đạo Phật đi vào cuộc đời"*, trong đó có đoạn viết: *"Đem đạo Phật đi vào cuộc đời có nghĩa là thể hiện những nguyên lý đạo Phật trong sự sống, thể hiện bằng những phương thức phù hợp với thực trạng của cuộc đời để biến cải cuộc đời theo chiều hướng thiện mỹ. Chừng nào sinh lực của đạo Phật được trông thấy dào dạt trong mọi hình thức của sự sống chừng đó ta mới có thể nói được rằng đạo Phật đang thật sự hiện hữu trong cuộc đời."*

Theo quan điểm của thầy Nhất Hạnh, Phật giáo nhập thế có thể được hiểu với hai ý nghĩa thực tế, thứ nhất: mang những nguyên lý, giá trị đạo đức cao đẹp của Phật giáo trong kinh điển, biến thành nguyên lý, phương châm sống thường nhật, phù hợp với thực trạng của cuộc đời để từ đó cải biến con người và xã hội theo hướng thiện, mỹ; Thứ hai, mang tư tưởng, giáo lý Phật giáo, các cá nhân, tổ chức, lực lượng những người theo Đạo Phật trong đó có cả tu sĩ, cư sĩ cùng tham gia vào giải quyết các vấn đề đang tồn tại trong đời sống xã hội. Điều này cũng có nghĩa, nếu không chứa đựng tinh thần nhập thế, không mang lại lợi ích thiết thực cho cuộc đời trong bất kỳ khoảng thời gian, không gian nào, trong lĩnh vực nào thì Phật giáo cũng chỉ là một tôn giáo khô cứng nếu không nói là một tôn giáo chết vì sự tồn tại đó hoàn toàn vô nghĩa.

Ken Jones, trong tác phẩm Diện mạo xã hội của Phật giáo (The Social Face of Buddhism, 1989) đã định nghĩa như sau: *"Phật giáo Nhập thế là một áp dụng của quá trình xã hội, kinh tế, chính trị và môi sinh phát sinh từ quan điểm nhân sinh của Đạo Phật".*

Allie B. King, học giả người phương Tây đưa ra khái niệm: *"Phật giáo nhập thế là một hình thức đương đại của Phật giáo, tích cực tham gia nhưng không sử dụng bạo lực để giải quyết những vấn đề xã hội, kinh tế, chính trị, môi trường. Ở trạng thái tốt nhất, sự tham gia này không tách rời khỏi tinh thần của Phật giáo, mà là một biểu hiện của tinh thần Phật giáo."*

Queen nhận xét: *"Phật giáo Nhập thế vẫn giữ nguyên những điểm chính trong giáo lý căn bản: lý duyên khởi, chính niệm, từ bi, phương tiện thiện xảo...Tuy nhiên Phật giáo Nhập thế thấu cảm hơn với những bất công xã hội, những định chế bất thiện và áp bức gây ra đau khổ cho con người, mà trong quá khứ không phải là trọng tâm chính."*

Qua những quan điểm về Phật giáo nhập thế được đưa ra bởi các học giả, tựu chung lại chúng ta có thể thấy Phật giáo nhập thế phản ánh phương diện tích cực của Phật giáo trong việc áp dụng lời Phật dạy một cách linh hoạt, uyển chuyển vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, khoa học... nhằm mục đích làm giảm bớt những khổ đau, bất an của con người bằng cách tham gia giải quyết các vấn nạn đang đặt ra trong bối cảnh mới. Đó là sự kết hợp hài hòa giữa việc ứng dụng giáo lý vào tu tập trưởng dưỡng nội tâm và đưa Phật giáo đi vào đời góp phần kiến thiết xã hội an bình, hạnh phúc.

II. Kinh tế và kinh tế Phật giáo

1. Kinh tế

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Kinh tế đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của một quốc gia. Nó là một trong những tiêu chí đánh giá sự phồn thịnh của quốc gia đó thông qua các chỉ số tăng trưởng kinh tế, chỉ số tiêu dùng của người dân và ảnh hưởng trực tiếp, không nhỏ đến mức sống của mỗi cá nhân, gia đình, xã hội. Kể từ khi cuộc cách mạng công nghiệp hoá, hiện đại hóa phát triển đã thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường, quan hệ hợp tác giao thương giữa các quốc gia trong và ngoài khu vực diễn ra sôi nổi, đặc biệt là ngày nay khi thế giới đã tiến thêm bước nửa vào cuộc cách mạng công nghệ 4.0 thì nền kinh tế thị trường lại có cơ hội để phát triển hội nhập nhanh chóng.

Nền kinh tế thị trường đặt vị trí của con người làm trung tâm và đề cao đến lợi ích cá nhân thông qua sự thịnh vượng của vật chất. Các nhà kinh tế sẽ tính toán và đưa ra các phương thức sản xuất như thế nào để tối đa hóa lợi nhuận cho cá nhân, chủ thể tham gia vào nền kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường, mọi người có thể gia tăng hạnh phúc và sự hài lòng của họ bằng cách mua sắm và tiêu thụ nhiều hơn.

Chính quan điểm đo lường hạnh phúc bằng việc thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ của nền kinh tế thị trường đã kéo theo nhiều vấn đề mà cả thế giới đang phải đối mặt đó là tình trạng biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, sự chênh lệch giàu nghèo thể hiện qua mức thu nhập trung bình của người dân, tỉ lệ người thất nghiệp cao dẫn đến tệ nạn xã hội gia tăng…Tuy vậy, kinh tế thị trường chỉ dạy cho con người cách làm tăng doanh thu và lợi nhuận nhưng không đưa ra được phương hướng phát triển bền vững để trong sự đi lên đó đều mang lại lợi ích cho nhiều thành phần tham gia kinh tế hơn, giảm thiểu những vấn đề tiêu cực có thể xảy ra do tác động của kinh tế. Hơn nữa, kinh tế không dạy cho con người cách thế nào để kiểm soát được bản thân mình, làm chủ được cảm xúc, lý trí của mình khi đương đầu với các biến động, khủng hoảng về kinh tế để có thể sáng suốt đưa ra những quyết định, phương án có tính chính xác cao.

Để ứng phó và giải quyết các vấn đề đó, đòi hỏi người làm kinh tế phải có một cái nhìn sâu sắc, chính sách kinh tế bền vững và quan trọng hơn hết là phải có đạo đức trong việc hoạch định và thực hiện chiến lược kinh tế như Payutto nói: *“Lý tưởng nhất, kinh tế học nên đóng một phần trong việc cung cấp cho con người các cơ hội phát triển cá nhân và xã hội thực sự thay vì đơn giản chỉ là một công cụ để đáp ứng các nhu cầu ích kỷ và nuôi dưỡng sự tranh chấp trong xã hội và trên quy mô rộng hơn, tạo ra sự mất cân bằng và bất an trong toàn bộ cấu trúc toàn cầu với vô số hệ sinh thái của nó.”*

Để đạt được điều đó, kinh tế học Phật giáo đã ra đời để lấp đầy lỗ hổng còn khiếm khuyết của kinh tế thị trường.

2. Kinh tế Phật giáo

Từ xưa đến này, hầu như trong tâm thức của mỗi người đều cho rằng Phật giáo chỉ quan tâm đến thoát tục, giải thoát khổ đau, tìm kiếm Niết bàn ở cõi sau hơn là quan tâm đến những vấn đề thuộc về thực tại. Dĩ nhiên khi nghe đến khái niệm “kinh tế Phật giáo” có lẽ không ít người tránh khỏi sự nghi ngại vì cho rằng Đạo Phật là tôn giáo thuộc về tâm linh, còn kinh tế thuộc về vật chất, không thể có yếu tố tâm linh trong sự truy cầu về vật chất và hơn nữa, điều này

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

không đúng với tinh thần giải thoát của nhà Phật bởi trên thực tế, đức Phật đã từng dạy các đệ tử sống yểm ly, không truy cầu lợi dưỡng và thanh tịnh tu hành để tiến đến sự giác ngộ giải thoát. Mặc dù những mối quan tâm thực tiễn của đức Phật không nhằm mang lại cuộc cách mang kinh tế, nhưng chúng ta có thể tìm thấy rãi rác trong giáo lý đức Phật một số những quan sát chỉ dẫn và những lời dạy liên quan đến những khía cạnh đạo đức của kinh tế mà đến nay vẫn còn có liên hệ đến những học thuyết kinh tế học hiện đại như giáo lý duyên khởi, nhân quả, nghiệp báo và đặc biệt là Bát chính đạo.

Bát chính đạo bao gồm ba hoạt động tương quan lẫn nhau và có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh tế đó là chính nghiệp, chính mạng và chính tinh tấn. Ba yếu tố này thể hiện trong hoạt động kinh tế tạo ra của cải vật chất, giữ gìn tài sản và tiêu dùng hợp lý, trong sự chính niệm và từ bi, không vì mưu lợi cho mình mà làm tổn hại đến đối tượng khác. Từ đó, nỗ lực tạo nên một cuộc sống tốt đẹp, không vì mục đích tăng trưởng lợi nhuận cho riêng mình mà là đảm bảo lợi ích cho tất cả mọi người.

Shumacher đã từng nhấn mạnh chính quan điểm về chính mạng trong Bát Chính Đạo của giáo lí nhà Phật là xuất phát điểm khiến cho ông có những suy tư về một mô thức kinh tế Phật giáo. Khi Phật còn tại thế, kinh tế còn đơn giản, nhưng đức Phật đã khuyến cáo các hàng đệ tử không nên làm các nghề không chính đáng và gây tổn hại sinh mạng cho chúng sinh, như bán thịt, bán vũ khí và bán rượu. Trong nhiều bản kinh, Đức Phật cũng đã từng khuyên dạy cho các hàng đệ tử cụ thể làm thế nào để có một cuộc đời trong sạch và hạnh phúc. Đức Phật xem những điều kiện tiện nghi vật chất chỉ là phương tiện để chúng ta có điều kiện chuyên tâm và tinh tấn trên con đường tu tập giải thoát tâm linh. Và theo quan điểm Phật giáo vật chất chỉ là phương tiện chứ không phải mục đích tối hậu của đời người. Các nhà kinh tế thị trường thường xem lịch sử, văn hóa và các cơ sở thượng tầng đạo đức tôn giáo, cho rằng việc sung túc về mặt vật chất của một cá nhân hay quốc gia có thể tạo ra được một xã hội đạo đức đem đến hạnh phúc cho cá nhân và hòa bình cho thế giới. Tuy nhiên, theo giáo lí nhà Phật khi tâm không an thì dù giàu có đến đâu cũng vẫn không thể thấy được hạnh phúc. Điển hình đời sống hiện tại của các nước giàu có trên thế giới như Mỹ, Bắc Âu, Tây Âu,... liệu rằng họ có thực sự đang hạnh phúc như những gì họ đã suy nghĩ?.

Trên thực tế có thể thấy trong xã hội đã và đang diễn ra các hoạt động kinh tế mang rất nhiều hình thức cực đoan để đạt được, vô hình chung đã làm tổn thương đến những giá trị đạo đức, văn hóa toàn nhân loại. Mặt trái của nền kinh tế thị trường biến mọi cái trở thành hàng hóa, đồng tiền thành thước đo vạn năng cho mọi giá trị. Là một tôn giáo đạo đức chủ trương sự tiến bộ đạo đức và sự phát triển tâm linh của những cá thể trong xã hội, Phật giáo thấy rõ rằng những khía cạnh đạo đức của thái độ ứng xử của con người liên quan đến kinh tế học là một yếu tố rất quan trọng quyết định sự thịnh vượng bền vững của nền kinh tế thị trường.

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

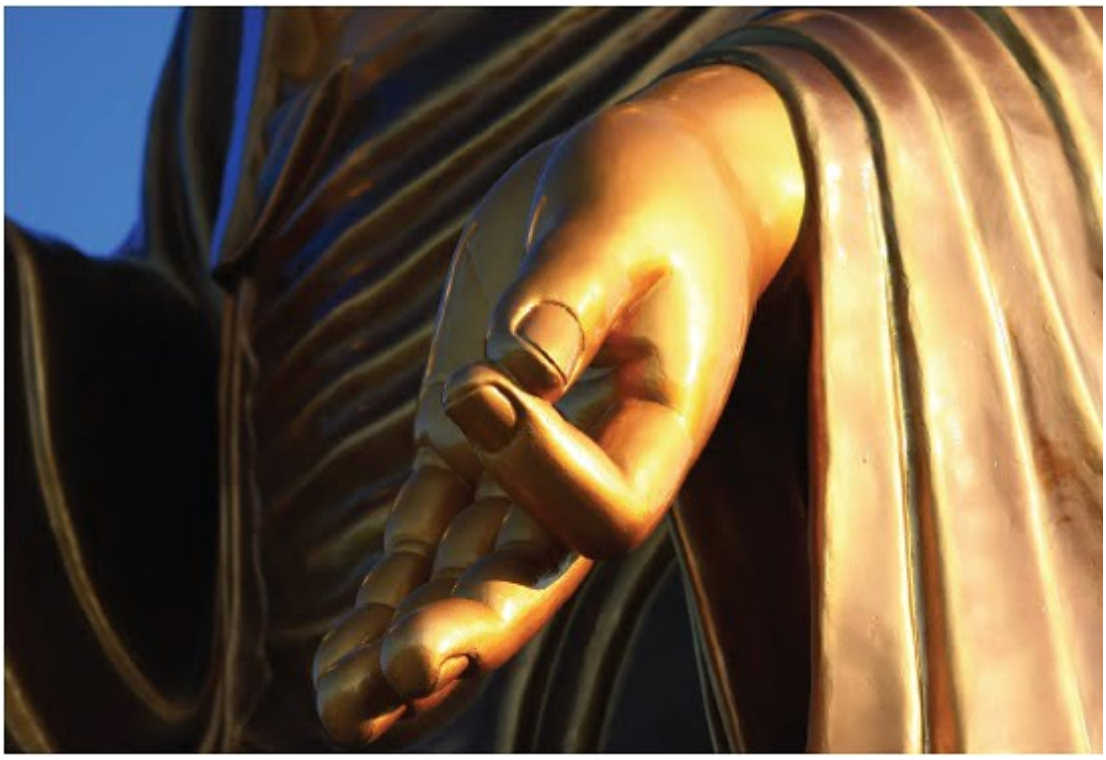

Kinh tế học Phật giáo (Buddhist economics): *"...là một phương pháp tiếp cận tinh thần và triết học để nghiên cứu kinh tế học. Nó kiểm tra tâm lý của tâm trí con người và những cảm xúc chỉ đạo hoạt động kinh tế, đặc biệt là các khái niệm như lo lắng, nguyện vọng và các nguyên tắc tự hiện thực hóa. Theo quan điểm của những người đề xướng, kinh tế học Phật giáo nhằm mục đích xóa tan sự nhầm lẫn về điều gì có hại và điều gì có lợi trong phạm vi hoạt động của con người liên quan đến sản xuất và tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ, cuối cùng là cố gắng làm cho con người trưởng thành về mặt đạo đức"*.

Kinh tế học Phật giáo tham gia vào quá trình tái cấu trúc nền kinh tế và đời sống của mỗi cá nhân tham gia vào nền kinh tế để thế giới trở nên tốt đẹp hơn dựa trên nguyên lý duyên khởi và tinh thần vô ngã, từ bi của Đạo Phật, bằng cách đặt sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế vào trong mối quan hệ tương quan giữa từng cá thể và trong sự tương tác với các yếu tố bên ngoài: *"Do cái này có mặt, cái kia có mặt. Do cái này sinh, cái kia sinh. Do cái này không có mặt, cái kia không có mặt. Do cái này diệt, cái kia diệt"*.

Trong nền tảng kinh tế theo tinh thần Phật giáo, hạnh phúc được định nghĩa bởi sự liên kết với nhau. Tất cả mọi người, tất cả chúng sinh, đều phụ thuộc lẫn nhau và với thiên nhiên. Hạnh phúc đến từ việc mọi người đều được sống thoải mái, sống có phẩm hạnh đạo đức, tương tác với nhau và với thiên nhiên một cách có ý nghĩa, và quan tâm lẫn nhau. Kinh tế học Phật giáo đã làm giảm vị trí tối đa của lợi ích cá nhân và thay vào đó là một nền kinh tế phát triển hài hòa và bền vững, lợi ích cá nhân sẽ gắn liền với lợi ích của xã hội.

Ở đây, xin nêu ra một ví dụ cụ thể là tác động của kinh tế Phật giáo với môi trường. Khi nhận thức được rằng con người là một phần của hệ sinh thái, kinh tế Phật giáo kết nối các hoạt động hàng ngày của chúng ta với môi trường, giúp nâng cao ý thức bảo vệ tự nhiên. Từ đó,

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

con người không còn có thái độ thờ ơ, xem môi trường là một kho tàng tự nhiên sinh ra để tập trung khai thác vì lợi nhuận cá nhân. Kinh tế học Phật giáo hướng đến giá trị, tài năng của con người, tầm quan trọng của của hệ sinh thái, sự cạn kiệt của nguồn tài nguyên, và đưa ra phương án thay vì khai thác và kiểm soát thiên nhiên, mọi người sẽ sử dụng kiến thức, tài năng của mình để sản xuất, khai thác một cách hợp lý đồng thời có sự bảo vệ, chăm sóc nuôi dưỡng thiên nhiên, kinh tế Phật giáo hỗ trợ mục tiêu không gây hại đến môi trường.

Tính bền vững chính là mục đích của mô hình kinh tế Phật giáo, với yêu cầu tất cả mọi người phải tham gia vào việc giữ gìn, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, chia sẻ giá trị thặng dư để tạo ra sự cân bằng mức chênh lệch thu nhập, giàu nghèo trong xã hội cùng nhiều vấn đề khác thuộc về hệ quả của phát triển kinh tế. Mỗi người cùng nhau tạo ra lối sống mới, tích cực hơn, thân thiện hơn trên hành tinh của mình với tinh thần lợi ích cho tất cả.

III- Phật giáo nhập thế và vấn đề phát triển kinh tế bền vững

Tiếp nối truyền thống nhập thế, Phật giáo Việt Nam ngày nay đã và đang trở thành một nhân tố tác động mạnh mẽ trên mọi bình diện của đời sống xã hội, trong đó không thể không kể đến vai trò của Phật giáo đối với sự phát triển kinh tế. Triết học kinh tế Phật giáo ra đời đã góp phần hoàn thiện triết học kinh tế. Tuy nhiên không chỉ là một triết thuyết, mang tinh thần nhập thế, làm lợi lạc cho nhân sinh, Phật giáo đã có những hoạt động thiết thực để tham gia đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế đất nước một cách rất hiệu quả.

1. Tổ chức các khóa tu tỉnh thức, an lạc dành cho doanh nhân

Doanh nhân là nghề phải đương đầu với nhiều thách thức, quyết định đưa ra những lựa chọn khó khăn giữa các lợi ích trong cuộc chiến thương trường ác liệt này. Nên việc một doanh nhân gặp phải những căng thẳng lo âu dai dẳng là điều khó tránh khỏi. Vì vậy, nhiều cơ sở Phật giáo đã tổ chức các khóa tu dành cho doanh nhân, câu lạc bộ thực tập thiền dành cho các chủ doanh nghiệp hay khóa tu an lạc dành cho tập thể cán bộ công nhân viên của công ty, xí nghiệp. Tham dự các khóa thực tập sống tỉnh thức này đa số là các vị doanh nhân, lãnh đạo các công ty, nhân viên văn phòng, họ được các tu sĩ hướng dẫn sống chậm, thiền tọa với hơi thở chính niệm, thiền hành nhịp bước cùng thiên nhiên, thiền trà quay về kết nối với chính mình… đây là những phương pháp căn bản và rất hữu dụng giúp giải phóng stress cho những ai đang gặp những áp lực, căng thẳng trong kinh doanh, ngoài ra các hành giả doanh nhân còn được hướng dẫn dùng cơm chính niệm thay vì những bữa cơm văn phòng vội vàng vô vị.

Sau khi tham dự các khoa tu, chất lượng đời sống tinh thần của các khóa sinh sẽ được nâng lên, những lo lắng, căng thẳng từ áp lực công việc được chuyển hóa, tái tạo thành một nguồn năng lượng mới để tiếp tục điều hành, làm việc tốt hơn. Đồng thời, họ có thêm phương pháp để kiểm soát cảm xúc, chuyển hóa năng lượng tiêu cực trong mình, có được sự bình tĩnh, sáng suốt khi đối diện với các vấn đề biến động, khủng hoảng và những bất trắc, khó khăn gặp phải trong kinh tế.

Con người không thể làm việc một cách hiệu quả với một tinh thần mệt mỏi và căng thẳng

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

đến tột độ. Việc áp dụng những buổi thực tập trị liệu tâm lí này đã góp phần tích cực cho những quyết sách, chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp trở nên nhẹ nhàng có lối thoát không còn bế tắc. Làm cho môi trường kinh doanh trở nên lành mạnh đúng với những giá trị thực mà doanh nghiệp mang lại cho người tiêu dùng và cho cả cộng đồng.

2. Nội dung pháp thoại, hội thảo về các chủ đề liên quan đến phát triển kinh tế

Bên cạnh việc tổ chức các khóa tu tập cho các vị doanh nhân, trong thời buổi kinh tế thị trường, các bài thuyết pháp của các vị giảng sư Phật giáo không chỉ chứa nội dung về các pháp môn tu tập chuyển hóa nội tâm mà còn có các chủ đề có liên quan đến đạo đức kinh tế, chia sẻ phương pháp làm giàu theo tinh thần nhân quả, cách sử dụng giá trị thặng dư hợp lý, cách trở thành một doanh nhân tài đức.

Các cuộc Hội thảo Khoa học Quốc gia do Trung ương Giáo hội, ban hướng dẫn Phật tử tổ chức nhằm đánh giá vai trò của Phật giáo, sự đóng góp, hướng phát triển của các hoạt động của Phật giáo nhập thế trong thời kỳ hội nhập. Với nhiều chủ đề được luận bàn, góp ý sôi nổi như hoạt động của tín đồ Phật tử với sự phát triển bền vững đất nước, Phật giáo với việc đảm bảo an sinh xã hội cho người dân trong thời kỳ phát triển, hội nhập quốc tế, Phật giáo về bảo vệ môi trường... Kết quả thu được từ các cuộc hội thảo đã được ứng dụng trong thực tế, góp phần giải quyết những vấn đề hệ quả của sự phát triển kinh tế đã và đang đặt ra trong xã hội.

3. Mở các lớp dạy nghề miễn phí trong các cơ sở tôn giáo

Để giúp giảm thiểu tỉ lệ thất nghiệp trong xã hội và tạo công ăn việc làm cho người lao động, Phật giáo đã tổ chức các trường hướng nghiệp dạy nghề và giới thiệu việc làm miễn phí cho hàng ngàn học viên tham dự.

Có rất nhiều cơ sở Phật giáo đã tổ chức các lớp đào tạo miễn phí dạy nghề và giới thiệu việc làm cho học viên tại địa phương. Cả nước hiện có 10 trường dạy nghề miễn phí gồm các nghề: may, điện gia dụng, tin học, sửa xe, hớt tóc, v.v... tại khắp các tỉnh thành trong nước, do BTS Giáo hội Phật giáo địa phương tổ chức.

Có thể thấy rằng những giá trị mà công tác giáo dục dạy nghề của Phật giáo đã đem lại đối với xã hội là rất lớn. Các cơ sở hướng nghiệp dạy nghề do Phật giáo mở ra trên khắp cả nước trong những năm qua đã thu hút một số lượng đông đảo các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn tham gia học đem đến cuộc sống ấm no cho nhiều mảnh đời bất hạnh, khó khăn trong xã hội. Có nhiều học viên sau khi học nghề xong đã trở thành những tay nghề xuất sắc, làm ra được những sản phẩm có giá trị.

Ngoài ra còn có các lớp dạy ngoại ngữ miễn phí cho các sinh viên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn muốn nâng cao khả năng ngoại ngữ để có cơ hội việc làm tốt hơn như lớp tiếng anh ở chùa Lá (Gò Vấp), các lớp ngôn ngữ từ căn bản đến nâng cao tại chùa Giác Ngộ (Quận 10). Bên cạnh đó, Phật giáo đã giúp giảm gánh nặng cho xã hội bằng việc chung tay giúp đỡ những người có hoàn cảnh gặp nhiều khó khăn, sớm vượt qua để ổn định cuộc sống.

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

4. Phát triển du lịch văn hóa tâm linh

Du lịch văn hóa tâm linh gắn với tôn giáo và đức tin và ở Việt Nam, trong đó Phật giáo có số lượng lớn nhất, cùng tồn tại song song với các tôn giáo khác như Thiên Chúa giáo, Cao đài, Hòa Hảo... Triết lý phương đông, đức tin, giáo pháp, những giá trị vật thể và phi vật thể gắn với những thiết chế, công trình tôn giáo ở Việt Nam là những ngôi chùa, tòa thánh và những công trình văn hóa tôn giáo gắn với các di tích là đối tượng mục tiêu hướng tới của du lịch tâm linh. Du lịch văn hóa tâm linh ở Việt Nam gắn với tín ngưỡng thờ cúng, tri ân, báo ân những vị anh hùng dân tộc, những vị tiền bối có công với nước, dân tộc (Thành Hoàng) trở thành du lịch về cội nguồn dân tộc với đạo lý uống nước nhớ nguồn.

Nói về sự đóng góp trực tiếp đối với kinh tế, Phật giáo gần đây đã có sự phát triển về du lịch văn hóa tâm linh, mở các tour tham quan, hành hương tâm linh đến các địa danh là những ngôi cổ tự, các công trình kiến trúc cổ với nhiều bảo vật trải qua các thời kỳ lịch sử như: chùa Thiên Mụ (Huế), chùa Dâu (Bắc Ninh) ... Điều này đã giúp thu hút lượng khách đông đảo cả trong nước và quốc tế hằng năm tới tham quan, đặc biệt lượng khách tập trung đông nhất trong năm vào mùa lễ hội: lễ hội Chùa Dâu, lễ hội chùa Hương, lễ hội chùa Phật Tích, lễ hội chùa Bút Tháp,... góp phần tăng thu nhập du lịch của địa phương. Thông qua đó, giới thiệu văn hóa, lịch sử Việt Nam đến bạn bè thế giới, đồng thời khơi dậy lòng yêu quê hương đất nước và tìm hiểu về lịch sử văn hóa của dân tộc.

5. Kiến thiết mô hình kinh doanh theo triết lí Phật giáo

Xã hội bước vào giai đoạn với nền công nghiệp phát triển hiện đại là niềm tự hào chung của nền kinh tế hiện đại. Có thể nói xã hội không thiếu tiền của, nhưng vật chất phần lớn tập trung vào giai cấp quí tộc và sự phân hoá nghiêm trọng dẫn đến khoảng cách giữa giàu và nghèo ngày càng xa dần. Mặt khác, nhân loại đang phải đối diện với những vấn đề ô nhiễm môi trường trầm trọng với sự nóng lên toàn cầu, sự hoành hành của dịch bệnh khắp nơi phần lớn là do từ tác động kinh tế mà ra, vốn là niềm kiêu hãnh của nhân loại.

Đạo Phật chủ trương con đường Trung Đạo, nên dầu rằng trên cương vị là một bậc Đạo Sư, chú trọng về đời sống tâm linh tinh thần, nhưng Đức Phật cũng luôn ý thức được sự chi phối của kinh tế vật chất đối với đời sống xã hội con người. Phật Giáo không xem việc giàu sang, sung túc về mặt vật chất là một trở ngại lớn cho việc tu tập, nhưng đối với lòng ham muốn sở hữu của cải nhằm mục đích hưởng thụ cho bản thân thì đó mới là vấn đề. Để thấy được hầu hết những giáo lí của Đức Phật để lại đều rất uyển chuyển không cứng nhắc về mặt hình thức mà đặt nặng vấn đề ở nơi tâm của mỗi hành giả khi thực hiện.

Một đoạn kinh ngắn dưới đây, sẽ mô phỏng về cách Đức Phật dạy cho các hàng đệ tử biết cách sử dụng tài sản sao cho hợp lí và ẩn đằng sau ấy là cả một triết lý kinh tế. Đức Phật dạy cho một người nông dân về cách sử dụng đồng tiền mà mình kiếm được như sau: Nên chia số tiền mình có được thành bốn phần, một phần dùng để chi tiêu cuộc sống hàng ngày, hai phần kế tiếp dùng để đầu tư sinh lợi, và phần còn lại hoặc để dành hoặc dùng để giúp đỡ người nghèo khó. Theo tinh thần lời dạy này thì luôn phải có một phần tích lũy bằng một phần tư số

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

tiền mình kiếm được để sử dụng đến khi cần thiết. Theo Phật giáo, chỉ cần một phần tư số tiền kiếm được, chúng ta vẫn có thể sống một cuộc sống tạm ổn.

Có thể thấy mô hình kinh doanh theo tư tưởng Phật giáo đều lấy hạnh phúc con người và hòa hợp với thiên nhiên làm chủ đạo. Từ đạo đức Phật giáo và những giá trị nhân bản đã sản sinh ra rất nhiều vị Phật tử doanh nhân thành đạt tại Việt Nam như ông Lê Phước Vũ (Chủ tịch tập đoàn Hoa Sen); Nguyễn Mạnh Hùng (Chủ tịch Thái Hà Books) hay bà Phạm Minh Hương (Chủ tịch công ty cổ phần chứng khoáng Vndrect). Những vị Phật tử này đều áp dụng mô hình kinh doanh theo tư tưởng nhà Phật đó là: *"Sống và làm việc không chỉ cho mình mà cho tất cả mọi người, trong đó có mình."* Cho đến những dây chuyền sản xuất đều mang lại hiệu quả rất tích cực, không chỉ thấy việc lợi ích trước mắt mà cần nghĩ đến chặng đường kinh doanh dài hạn phía trước và lí tưởng của nhà Phật là liệu pháp hữu hiệu để giải quyết cho bài toán kinh doanh đầy chông gai này.

Một khía cạnh khác triết lí kinh doanh của nhà Phật hướng đến cho một Phật tử đó là *"tìm đến sự thỏa mãn tối đa, nghĩa là đạt đến mức an lạc, với những phương tiện vật chất tối thiểu."* Thông thường theo các nhà kinh tế thị trường thường đánh giá mức sống tiêu thụ trên mỗi đầu người với giả định người nào càng tạo nhiều của cải vật chất, tiêu thụ nhiều chừng nào thì họ sẽ có nhiều hạnh phúc chừng nấy và ngược lại đối với những người có thu nhập thấp. Tuy nhiên, triết lí kinh tế theo tư tưởng Phật giáo lại tăng mức tối đa sự an lạc, hạnh phúc và hạn chế tối thiểu việc tiêu thụ của cải vật chất, bởi vì vật chất chỉ là phương tiện góp phần vào đời sống an sinh xã hội chứ không phải là mục tiêu an lạc hạnh phúc của con người.

6. Khai thác tài nguyên và sử dụng nguồn lao động hợp lí

Khai thác tài nguyên thiên nhiên vẫn luôn là bài toán khó khăn không chỉ cho những nhà kinh doanh mà còn là thách thức cho toàn nhân loại. Cần nhận thức rõ rằng sự khác biệt căn bản

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

giữa các nguồn nhiên liệu không tái sinh được như than đá, dầu mỏ,... với các nhiên liệu tái sinh được như gỗ, nước,... chúng ta không thể bỏ qua một cách đơn giản được. Vì vậy, khi áp dụng triết lí kinh tế Phật giáo với phương châm đạt đến sự thỏa mãn tối đa với những phương tiện tối thiểu nhất, có thể khắc phục được những nguồn nguyên nhiên liệu được cho là phế thải mà không biết cách sử dụng một cách triệt để và hợp lí. Một mẫu gỗ thừa nếu biết cách sử dụng nó cũng trở thành một món đồ trang sức khá bắt mắt. Triết lí kinh tế Phật giáo cho rằng việc những nền kinh tế hiện đại quá phụ thuộc vào những nguồn tài nguyên thiên nhiên không tái tạo lại được thì đó cũng là một cách "ăn bám", triết lí kinh tế Phật giáo giúp thoát khỏi sự trói buộc này bằng cách sử dụng những nguồn tài nguyên có thể tái tạo lại làm đầu vào cho nền sản xuất kinh tế, vừa tiết kiệm, vừa bảo vệ môi trường và vừa không quá phụ thuộc vào nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần hạn hẹp.

Từ điểm nhìn của người chủ, trong mọi trường hợp thì lao động cũng đơn giản là một món hàng có giá cả, phải được giản lược đến một mức tối thiểu nếu không thể loại bỏ nó hết được, có thể nói là, bằng sự tự động hóa. Từ điểm nhìn của người lao động, nó là một sự hữu dụng, vì làm việc là phải chấp nhận một sự hi sinh sự nhàn rỗi và thoải mái của một người, và tiền lương là một loại đền bù cho sự hi sinh ấy. Vì thế, suy nghĩ từ điểm nhìn của người chủ là mong muốn phải có sản lượng mà không cần người lao động, và góc độ từ điểm nhìn của người lao động là phải có thu nhập mà không cần lo lắng về chất lượng sản phẩm hay sản lượng như thế nào. Cũng chính từ hai góc độ nhìn nhận khác nhau mà giữa mối quan hệ của người chủ và người lao động đã xảy ra không biết bao lần mâu thuẫn từ việc lương bổng đến chất lượng sản phẩm khi đưa ra ngoài thị trường. Theo Shumacher việc áp dụng triết lí nhà Phật vào việc sử dụng nguồn lao động sẽ mang lại ba giá trị khiến cho mối quan hệ giữa người chủ và người lao động hạn chế tối đa xảy ra mâu thuẫn, đầu tiên đó là mang lại cho con người một cơ hội để sự dụng và phát triển các quan năng của họ; thứ đến, cho phép con người vượt qua tính cái tôi của họ bằng cách kết hợp với những người khác trong một nhiệm vụ chung; và cuối cùng đó là mang lại hàng hóa và các dịch vụ cần thiết cho một sự hiện hữu thích hợp.

Để thấy được việc áp dụng triết lí Phật giáo vào giải quyết những vấn đề về kinh tế đã tạo ra một hiệu ứng với nguồn năng lượng vô cùng rích cực, khiến cho môi trường kinh tế dần trở nên lành mạnh, trong sạch và phát triển một cách bền vững.

C. KẾT LUẬN

Hạnh phúc như là mục đích sau cùng của tất cả hành động con người. Hạnh phúc cho tự thân lẫn tha nhân, hạnh phúc đó không nằm ngoài sự tương tác, phụ thuộc lẫn nhau giữa các cá nhân với nhau, giữa cá nhân tập thể, cộng đồng xã hội với môi trường sống xung quanh chúng ta. Đó chính là quy luật duyên sinh trong Phật giáo. Phật giáo đã có những giải pháp góp phần xây dựng, phát triển bền vững nền kinh tế quốc gia nói riêng và quốc tế nói chung. Bảo vệ hành tinh xanh của chúng ta và tạo sự gắn kết giữa con người với nhau, xóa bỏ sự bất bình đẳng, giai cấp trong xã hội.

Đứng trước những vấn đề nan giải và cấp bách của xã hội, những nguyên lý chứa đựng trong

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

từ lời dạy của đức Phật có tác dụng chuyển hóa những bất an trong đời sống xã hội và mang lại lợi ích thiết thực cho tha nhân. Tinh thần nhập thế đã đưa Phật giáo đi vào xã hội, hướng con người tiến gần hơn với thiện mỹ ... giá trị đạo đức của Phật giáo như một chất xúc tác điều chỉnh ý thức, hành vi của con người trong việc cân đối hài hòa giữa hạnh phúc từ sự thịnh vượng về vật chất và hạnh phúc từ sự biết đủ, tài sản tinh thần. Đó là yếu tố quan trọng giúp cho nền kinh tế phát triển bền vững lâu dài, đem lại lợi ích ấm no và sự bình an thật sự cho con người và muôn loài.

Tác giả: **Đại đức Thích Hữu Đạt**
Chùa Bửu Sơn, 24 Xóm Vôi, Phường 14, Quận 5, Tp.HCM

CHÚ THÍCH:

Mahàvagga – Đại Phẩm, Luật tạng, chương Trọng yếu, tụng phẩm thứ 2, đoạn 32. Xem bản dịch của Indacanda Nguyệt Thiên, http://www.budsas.org/uni/u-luat-daipham/dp-00.htm.
C. S. Queen & S.B. King (Ed.) Engaged Buddhism Buddhist Liberation Movements in Asia, New York: State University of New York Press, 1996, p. 34, n. 6.
Nhất Hạnh, Đạo Phật đi vào cuộc đời, tr. 4
Allie B. King, Socially Engaged Buddhism – Dimensions of Asian Spirituality, University of Hawaii press, Honolulu, 2009.
C. S. Queen & S.B. King (Ed.) Engaged Buddhism Buddhist Liberation Movements in Asia, New York: State University of New York Press, 1996.
Payutto, J.B. Dhammavijaya (dịch), Buddhist Economics, Thailand: Wat Nyanavesakavan, 2016.
Schumacher, E.F. (1973), Small is beautiful, truy cập tại: htt ps://www.ee.iitb.ac.in/student/~pdarshan/ SmallIsBeautifulSchumacher.pdf (Ngày truy cập: 20/02/2022).
Rajni Bala, Ph.D & Alisha Gill, "scholary researchjournal for interdisciplinary studies", 2016, tr.1781
Thích Minh Châu dịch, Kinh Tương Ưng 2 Thiên Nhân Duyên, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 1991, tr. 55-56.
Sa Môn Thích Tịnh Hạnh, Đại Tập 7 - Bộ A-Hàm VII - Kinh Tạp A-Hàm Số 3, Tạp A- Hàm Quyển 48, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, Tr. 139.
Quán Như Phạm Văn Minh, Schumacher và tuyên ngôn Kinh tế Phật Giáo, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2012, Tr. 33.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Minh Châu dịch, Kinh Tương Ưng, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 1991.
2. Thích Nhất Hạnh (1964), Đạo Phật đi vào cuộc đời, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn.
3. Ngô Thị Phương Lan (2015), "Hoạt động nhập thế của Phật giáo Nam tông của người Khmer tại Thành phố Hồ Chí Minh", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Số 6 (144).
4. C. S. Queen & S.B. King (Ed.) Engaged Buddhism Buddhist Liberation Movements in Asia,

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

New York: State University of New York Press, 1996.
5. Allie B. King, Socially Engaged Buddhism – Dimensions of Asian Spirituality, University of Hawaii press, Honolulu, 2009.
6. Krugman Paul và Wells Robin, Economics (3rd ed), USA: Worth Publishers, 2012.
7. Rajni Bala, Ph. D & Alisha Gill, "scholary researchjournal for interdisciplinary studies",2016.
8. Payutto, J.B. Dhammavijaya (dịch), Buddhist Economics, Thailand: Wat Nyanavesakavan, 2016.
9. Quán Như Phạm Văn Minh, Schumacher và tuyên ngôn Kinh tế Phật Giáo, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2012.
10. Oxford University Press, 2019, https://en.oxforddictionaries.com/definition/economics
11. https://phatgiao.org.vn/phat-trien-nen-kinh-te-thi-truong-tu-goc-nhin-dao- phat-d28430.html (Ngày truy cập: 20/02/2022).
12. https://thuvienhoasen.org/a15132/kinh-te-hoc-phat-giao-cu-si-tam-nguyen- dich (Ngày truy cập: 20/02/2022).
13. Schumacher, E.F. (1973), Small is beautiful, truy cập tại: https://www.ee.iitb.ac.in/student/~pdarshan/ SmallIsBeautifulSchumacher.pdf (Ngày truy cập: 20/02/2022).